



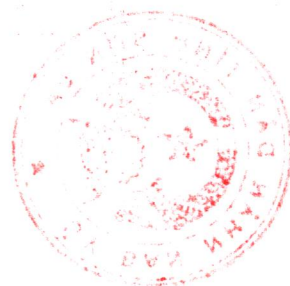
**DANH MỤC CÁC DỰ ÁN XÁC ĐỊNH GIÁ ĐẤT CỤ THỂ ĐỂ ĐẦU GIÁ ĐẤT, ĐẦU THẦU CÁC DỰ ÁN ĐẦU TƯ
CÓ SỬ DỤNG ĐẤT**

(Kèm theo Quyết định số 521/QĐ-UBND ngày 24/3/2021 của UBND tỉnh Sơn La)

STT	Tên danh mục dự án/Mục đích cần định giá/Cổ phần hóa	Vị trí, địa điểm (thôn, xóm, tổ - xã, thị trấn)	Diện tích cần định giá đất (ha)	Loại đất cần định giá	Thời hạn sử dụng của thửa đất cần định giá	Các thông tin chung (QH, KHSD đất; QHXD chi tiết; các VB pháp lý khác có liên quan)	Thời gian cần định giá	Dự kiến kinh phí định giá (triệu đồng)	Ghi chú
	Tổng dự án	13	93,04						
I	Thành phố Sơn La	11	53,48						
1	Dự án Khu đô thị số 1, phường Chiềng An (đợt 2)	Phường Chiềng An	4,00	Đất ở	Lâu dài	QĐ 955/QĐ-UBND ngày 02/5/2018 của UBND tỉnh về việc phê duyệt danh mục các dự án có đầu tư xây dựng nhà ở thương mại công bố lựa chọn nhà đầu tư trên địa bàn tỉnh năm 2018	Quý I, Quý II	70	
2	Dự án Khu đô thị số 2, phường Chiềng An	Phường Chiềng An	3,50	Đất ở, đất thương mại, dịch vụ	Lâu dài; 50 năm	QĐ 955/QĐ-UBND ngày 02/5/2018 của UBND tỉnh về việc phê duyệt danh mục các dự án có đầu tư xây dựng nhà ở thương mại công bố lựa chọn nhà đầu tư trên địa bàn tỉnh năm 2018	Quý I, Quý II	90	
3	Dự án Khu đô thị bán Buôn, bản Mé, phường Chiềng Cơi	Phường Chiềng Cơi	2,40	Đất ở, đất thương mại, dịch vụ	Lâu dài; 50 năm	QĐ 955/QĐ-UBND ngày 02/5/2018 của UBND tỉnh về việc phê duyệt danh mục các dự án có đầu tư xây dựng nhà ở thương mại công bố lựa chọn nhà đầu tư trên địa bàn tỉnh năm 2018	Quý III	100	

STT	Tên danh mục dự án/Mục đích cần định giá (thôn, xóm, tổ - xã, thị trấn)	Diện tích cần định giá đất (ha)	Loại đất cần định giá	Thời hạn sử dụng của thửa đất cần định giá	Các thông tin chung (QH, KHSD đất; QHXS chi tiết; các VB pháp lý khác có liên quan)	Thời gian cần định giá	Dự kiến kinh phí định giá (trên đồng)	Ghi chú
4	Dự án Khu đô thị bán Buôn, phường Chiềng Cơi	1,40	Đất ở, đất thương mại, dịch vụ	Lâu dài; 50 năm	QĐ 955/QĐ-UBND ngày 02/5/2018 của UBND tỉnh về việc phê duyệt danh mục các dự án có đầu tư xây dựng nhà ở thương mại công bố lựa chọn nhà đầu tư trên địa bàn tỉnh năm 2018	Quý I, Quý II	100	
5	Dự án Khu đô thị số 1, phường Chiềng Sinh	4,40	Đất ở, đất thương mại, dịch vụ	Lâu dài; 50 năm	QĐ 415/QĐ-UBND ngày 27/02/2018 của UBND tỉnh phê duyệt đồ án quy hoạch chi tiết tỷ lệ 1/500 khu công viên, hồ điều hòa, trung tâm thương mại kết hợp với nhà ở	Quý IV	110	
6	Dự án khu dân cư tổ 2, phường Quyết Thắng, thành phố Sơn La	0,50	Đất ở, đất thương mại, dịch vụ	Lâu dài; 50 năm	CV 667/UBND-TH ngày 02/3/2018 chấp thuận chủ trương đầu tư dự án	Quý IV	52	
7	Dự án Khu dân cư tổ 9, phường Quyết Tâm, thành phố Sơn La	0,13	Đất ở, đất thương mại, dịch vụ	Lâu dài; 50 năm	QĐ 349/QĐ-UBND ngày 12/02/2018 của UBND tỉnh về phê duyệt Quy hoạch tổng mặt bằng tỷ lệ 1/500 Khu dân cư tổ 9 phường Quyết Tâm	Quý IV	46	
8	Dự án Khu dân cư mới tổ 12, phường Quyết Thắng, thành phố Sơn La	0,61	Đất ở, đất thương mại, dịch vụ	Lâu dài; 50 năm	QĐ 348/QĐ-UBND ngày 12/02/2018 của UBND thành phố Sơn La về phê duyệt Quy hoạch tổng mặt bằng tỷ lệ 1/500 Khu dân cư tổ 12 phường Quyết Thắng	Quý IV	53	
9	Dự án Khu đô thị phường Chiềng Lẻ và Chiềng An, thành phố Sơn La	2,20	Đất ở, đất thương mại, dịch vụ	Lâu dài; 50 năm	Công văn số 3260/UBND-KT ngày 19/9/2018 của UBND tỉnh về chấp thuận chủ trương đầu tư dự án Khu đô thị phường Chiềng Lẻ và Chiềng An	Quý III	85	

STT	Lên danh mục dự án/Mục đích cần định giá/Gỗ phân	Vị trí, địa điểm (thôn, xóm, tổ - xã, thị trấn)	Diện tích cần định giá đất (ha)	Loại đất cần định giá	Thời hạn sử dụng của thửa đất cần định giá	Các thông tin chung (QH, KHSD đất; QHXD chi tiết; các VB pháp lý khác có liên quan)	Thời gian cần định giá	Dự kiến kinh phí định giá (triệu đồng)	Ghi chú
10	Dự án cải tạo mặt bằng Khu trung tâm hành chính, quảng trường (dự án BT) - Bản Pốt	Phường Chiềng Còi, thành phố Sơn La	16,70	Đất ở, đất thương mại, dịch vụ	Lâu dài; 50 năm	Quyết định 2128/QĐ-UBND, ngày 28/8/2018 của UBND thành phố Sơn La về việc phê duyệt quy hoạch chi tiết xây dựng tỷ lệ 1/500 khu đô thị Pốt Nội phường Chiềng Còi, Thành phố Sơn La; Thông báo số 270/TB-VPUB ngày 30/7/2020 của Văn phòng UBND tỉnh; Thông báo số 295/TB-VPUB ngày 24/8/2020 của Văn phòng UBND tỉnh	Quý III	80	
11	Dự án Khu đô thị mới Cò Nòi, xã Cò Nòi, huyện Mai Sơn	Xã Cò Nòi, huyện Mai Sơn	17,64	Đất ở	Lâu dài	Quyết định số 261/QĐ-UBND ngày 05/02/2021 của UBND tỉnh Sơn La	Quý III	150	
II	Huyện Mộc Châu	2	39,56						
1	Khu nhà ở dân cư tiểu khu 10	Tiểu khu 10, TT Mộc Châu	1,627	ODT	Lâu dài	Quyết định số 1704/QĐ-UB ngày 13/8/2018 của UBND huyện Mộc Châu	Quý IV	17,0	
2	Quy hoạch khu dân cư dọc suối Ang, TT Nông Trường Mộc Châu	Thị trấn NT Mộc Châu	37,928	ODT, TMD	Lâu dài; 50 năm	Quyết định số 138/QĐ-UBND ngày 25/01/2021 của UBND tỉnh Sơn La	Quý IV	38,0	



DANH MỤC CÁC DỰ ÁN XÁC ĐỊNH GIÁ ĐẤT ĐỀ ĐẦU GIÁ QUYỀN SỬ DỤNG ĐẤT

(Kèm theo Quyết định số 521/QĐ-UBND ngày 24/3/2021 của UBND tỉnh Sơn La)

STT	Tên danh mục dự án/Mục đích cấp định giá/ Cổ phần hóa	Vị trí, địa điểm (thôn, xóm, tổ - xã, thị trấn)	Diện tích cấp định giá đất (ha)	Loại đất cấp định giá	Thời hạn sử dụng của thửa đất cấp định giá	Các thông tin chung (QH, KHSD đất; QHXD chi tiết; các VB pháp lý khác có liên quan)	Thời gian cấp định giá	Dự kiến kinh phí định giá (triệu đồng)	Ghi chú
	Tổng số dự án	120	121,07						
I	Thành phố Sơn La	8	20,97						
1	Đầu giá Khu quy hoạch dân cư tổ 12, phường Quyết Thắng, thành phố Sơn La (khu đất thu hồi của Công ty cổ phần xây dựng II).	Quyết Thắng	0,242	Đất ở	Lâu dài	Kế hoạch sử dụng đất năm 2021	Quý II	30	
2	Đầu giá khu quy hoạch dân cư bản Mế Ban, phường Chiềng Cơi (khu đất Nhóm Sóng Hồng)	Chiềng Cơi	0,5514	Đất ở	Lâu dài	Kế hoạch sử dụng đất năm 2021	Quý IV	30	
3	Đầu giá Khu đất HTX mua bán Chiềng Lè, thành phố Sơn La	Chiềng Lè	0,0396	Đất ở	Lâu dài	Kế hoạch sử dụng đất năm 2021	Quý IV	30	
4	Đầu giá khu đất Công ty cổ phần Hoa Ban	Chiềng Lè	0,0964	Đất ở	Lâu dài	Kế hoạch sử dụng đất năm 2021	Quý IV	30	
5	Khu quy hoạch dân cư và dịch vụ đoạn cầu Coóng Nọi - Viện đường lão thành phố Sơn La	Chiềng Cơi	0,3000	Đất ở	Lâu dài	Kế hoạch sử dụng đất năm 2021	Quý IV	30	
6	Hai thửa đất thuộc tuyến đường 2A khu Quảng trường, ao cá Bắc Hồ.	Tò Hiệu	0,150	Đất ở	Lâu dài	Kế hoạch sử dụng đất năm 2021	Quý II	30	
7	Khu đất thu hồi của Đài phát thanh - Truyền hình tỉnh tại phường Chiềng Sinh.	Chiềng Sinh	0,2719	Đất ở	Lâu dài	Kế hoạch sử dụng đất năm 2021	Quý II	30	
8	Khu đất Nghĩa trang nhân dân thành phố tại khu Phiêng Khá, phường Chiềng Cơi.	Chiềng Cơi	19,3194	Đất ở	Lâu dài	Kế hoạch sử dụng đất năm 2021	Quý II	30	
II	Huyện Mường La	13	6,22						
1	Đầu giá đất khu bưu điện Nà Kè cũ	TT Ít Ong	0,66	ODT	Lâu dài	Căn cứ dự thảo kế hoạch sử dụng đất năm 2021	Quý II	2,02	

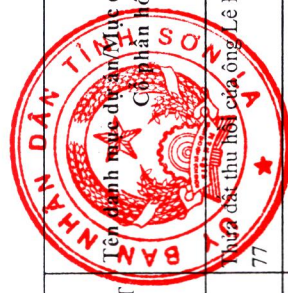
STT	Tên danh mục thu địa phương/căn định giá/ Cao phải nộp	Vị trí địa điểm (thôn, xóm, tổ - xã, thị trấn)	Diện tích cần định giá đất (ha)	Loại đất cần định giá	Thời hạn sử dụng của thửa đất cần định giá	Các thông tin chung (QH, KHSĐ đất; QHXĐ chi tiết; các VB pháp lý khác có liên quan)	Thời gian cần định giá	Dự kiến kinh phí định giá (trên đồng)	Ghi chú
2	Dầu giá đất Khu đô thị mới (VT1)	TT Ít Ong	0,14	ODT	Lâu dài	Căn cứ dự thảo kế hoạch sử dụng đất năm 2021	Quý II	0,43	
3	Dầu giá đất Khu đô thị mới bệnh viện mới (VT2)	TT Ít Ong	0,34	ODT	Lâu dài	Căn cứ dự thảo kế hoạch sử dụng đất năm 2021	Quý II	1,04	
4	Dầu giá đất Khu đối diện bệnh viện mới (VT3)	TT Ít Ong	0,09	ODT	Lâu dài	Căn cứ dự thảo kế hoạch sử dụng đất năm 2021	Quý II	0,27	
5	Dầu giá đất Lô số 16 Khu dân cư Trung tâm xã Ngọc Chiến	Xã Ngọc Chiến	0,05	ODT	Lâu dài	Căn cứ dự thảo kế hoạch sử dụng đất năm 2021	Quý III	0,15	
6	Dầu giá đất Khu đối diện Trung tâm Chính trị (TK1)	TT Ít Ong	0,04	ODT	Lâu dài	Căn cứ dự thảo kế hoạch sử dụng đất năm 2021	Quý III	0,12	
7	Dầu giá Khu đất bãi bán cũ, tiểu khu 5, thị trấn Ít Ong	TT Ít Ong	0,01	ODT	Lâu dài	Căn cứ dự thảo kế hoạch sử dụng đất năm 2021	Quý III	0,03	
8	Dầu giá Khu đất chứa mẫu nồn khoan của Công ty thủy điện Sơn La	TT Ít Ong	0,01	ODT	Lâu dài	Căn cứ dự thảo kế hoạch sử dụng đất năm 2021	Quý III	0,03	
9	Dầu giá đất Khu đất Hiệu sách (cũ) tại bản Văn Mình, xã Mường Bú	Xã Mường Bú	0,01	ODT	Lâu dài	Căn cứ dự thảo kế hoạch sử dụng đất năm 2021	Quý III	0,03	
10	Dầu giá đất kho lương thực Sơn La (cũ) tại TK 1	TT Ít Ong	0,22	ODT	Lâu dài	Căn cứ dự thảo kế hoạch sử dụng đất năm 2021	Quý IV	0,67	
11	Dầu giá cho thuê đất trả tiền hàng năm khu đất Huổi Quảng trả lại cho huyện Mường La tại bản Nà Cường	Xã Chiềng Lao	3,00	ODT	Lâu dài	Căn cứ dự thảo kế hoạch sử dụng đất năm 2021	Quý III	9,17	
12	Dầu giá cho thuê đất trả tiền hàng năm khu đất điểm trường Lô cốt tại bản Mường Chiến, xã Ngọc Chiến, huyện Mường La	Xã Ngọc Chiến	1,40	DGD	50 năm	Căn cứ dự thảo kế hoạch sử dụng đất năm 2021	Quý II	4,28	
13	Dầu giá cho thuê đất Khu đất cạnh nghĩa trang nhân dân huyện Mường La	TT Ít Ong	0,25	SKC	50 năm	Căn cứ dự thảo kế hoạch sử dụng đất năm 2021	Quý III	0,76	
III	Huyện Quỳnh Nhai	17	13,06						
1	Khu Trung tâm xã Chiềng Khay	Xã Chiềng Khay	0,06	ONT	Lâu dài	Quyết định số 246/QĐ-UBND ngày 24/3/2017 của UBND huyện Quỳnh Nhai	Quý II, III	15	
2	Dầu giá các thửa đất còn lại tại Phiêng Lanh	Xã Mường Giàng	0,13	ONT	Lâu dài	Quyết định số 176/QĐ-UBND ngày 22/01/2016 của UBND tỉnh Sơn La	Quý II, III	30	
3	Dầu giá các thửa đất còn lại tại Phiêng Nèn	Xã Mường Giàng	0,07	ONT	Lâu dài	Quyết định số 175/QĐ-UBND ngày 22/01/2016 của UBND tỉnh Sơn La	Quý II, III	15	
4	Khu đất ở tại đầu cầu Pá Uôn xã Chiềng Ôn	Xã Chiềng Ôn	0,28	ONT	Lâu dài	Quyết định số 1567/QĐ-UBND ngày 19/9/2018 của UBND huyện Quỳnh Nhai	Quý II, III	15	

STT	Tên đơn vị sử dụng đất/Mục đích cần định giá/ Vị trí, địa điểm (thôn, xóm, tổ - xã, thị trấn)	Diện tích cần định giá đất (ha)	Loại đất cần định giá	Thời hạn sử dụng của thửa đất cần định giá	Các thông tin chung (QH, KHSD đất; QHXS chi tiết; các VB pháp lý khác có liên quan)	Thời gian cần định giá	Dự kiến kinh phí định giá (triệu đồng)	Ghi chú
5	Khu đất do UBND huyện Quỳnh Nhai cấp quyền sử dụng đất số 2 đến ngày 26/03/2019 tại xã X5, xã X4, xã X3	0,69	ONT	Lâu dài	Quyết định số 1950/QĐ-UBND ngày 31/10/2018 của UBND huyện Quỳnh Nhai	Quý II, III	30	
6	Đầu giá khu ngã ba Huồi Cười xã Chiềng Bằng	0,90	ONT	Lâu dài	Quyết định số 2407/QĐ-UBND ngày 10/10/2011 của UBND huyện Quỳnh Nhai	Quý II, III	30	
7	Khu Trại Y tế cũ xã Mường Giôn	0,05	ONT	Lâu dài	Quyết định số 2294/QĐ-UBND ngày 13/9/2016 của UBND huyện Quỳnh Nhai	Quý II, III	15	
8	Dự án san nền và các hạng mục phụ trợ khu TT xã Mường Giôn	0,11	ONT	Lâu dài	Quyết định số 1897/QĐ-UBND ngày 04/10/2017 của UBND huyện Quỳnh Nhai	Quý II, III	20	
9	Khu Trung tâm xã Mường Giôn	0,10	ONT	Lâu dài	Quyết định số 2443/QĐ-UBND ngày 27/9/2012; Quyết định số 4556/QĐ-UBND ngày 30/12/2013	Quý II, III	15	
10	Đầu giá Khu Trung tâm xã Cà Nàng	0,03	ONT	Lâu dài	Quyết định số 1512/QĐ-UBND ngày 22/7/2020 của UBND huyện Quỳnh Nhai	Quý II, III	15	
11	Đầu giá Khu Trung tâm xã Mường Chiên	0,06	ONT	Lâu dài	Quyết định số 3355/QĐ-UBND ngày 10/12/2012 của UBND huyện Quỳnh Nhai	Quý II, III	15	
12	Đầu giá Khu Trung tâm xã Mường Sại	0,18	ONT	Lâu dài	Quyết định số 1512/QĐ-UBND ngày 22/7/2020 của UBND huyện Quỳnh Nhai	Quý II, III	15	
13	Đầu giá quyền thuê đất nông nghiệp tại bản Pá Uôn, xã Mường Giông	7,13	NN	50 năm	Quyết định số 945/QĐ-UBND ngày 17/4/2017 của UBND tỉnh	Quý II, III	30	
14	Đầu giá đất TMDV bản Hát Lay (nay là bản Đồng Tâm) xã Chiềng Ôn	0,30	TMDV	50 năm	Quyết định số 945/QĐ-UBND ngày 17/4/2017 của UBND tỉnh; Kế hoạch sử dụng đất năm 2021	Quý II, III	30	
15	Đầu giá cho thuê đất TMDV xóm 4 xã Mường Giông	0,23	TMDV	50 năm	Quyết định số 176/QĐ-UBND ngày 22/01/2016 của UBND tỉnh Sơn La	Quý II, III	30	
16	Đầu giá thuê đất sản xuất, kinh doanh phi nông nghiệp bản Huồi Nà	0,47	SXKD	50 năm	Kế hoạch sử dụng đất năm 2021	Quý II, III	30	
17	Đầu giá khu đất thương mại, dịch vụ bản Khong	2,27	TMDV	50 năm	Kế hoạch sử dụng đất năm 2021	Quý II, III	30	
IV	Huyện Thuận Châu	1,35						
	Dự án chuyển tiếp năm 2020							
1	Đầu giá đất ở khu đất trường đại học Tây Bắc	0,34	ODT	Lâu dài	Quyết định số 344/QĐ-UBND ngày 26/02/2020 của UBND tỉnh Sơn La	Quý IV	23	

STT	Tên danh mục dự án/ dự án được cấp định giá/ Cơ phần hóa	Vị trí, địa điểm (thôn, xóm, tổ - xã, thị trấn)	Diện tích cần định giá đất (ha)	Loại đất cần định giá	Thời hạn sử dụng của thửa đất cần định giá	Các thông tin chung (QH, KHSD đất; QH, KHSD chi tiết; các VB pháp lý khác có liên quan)	Thời gian cần định giá	Dự kiến kinh phí định giá (triệu đồng)	Ghi chú
2	Dầu giá đất ở khu đất nông nghiệp xã Nong Lay	Thị trấn Thuận Châu	0,06	ODT	Lâu dài	Quyết định số 344/QĐ-UBND ngày 26/02/2020 của UBND tỉnh Sơn La	Quý IV	23	
3	Dầu giá đất ở khu đất nông nghiệp xã Nong Lay	Xã Nong Lay	0,23	ONT	Lâu dài	Quyết định số 344/QĐ-UBND ngày 26/02/2020 của UBND tỉnh Sơn La	Quý III	23	
4	Dầu giá đất ở khu đất nông nghiệp xã Nong Lay	Xã Phông Lái	0,03	ONT	Lâu dài	Quyết định số 344/QĐ-UBND ngày 26/02/2020 của UBND tỉnh Sơn La	Quý IV	23	
5	Dầu giá đất ở khu chợ trung tâm xã Phông Lái (02 lô trong)	Xã Phông Lái	0,02	ONT	Lâu dài	Quyết định số 344/QĐ-UBND ngày 26/02/2020 của UBND tỉnh Sơn La	Quý III	23	
	Dự án năm 2021								
1	Dầu giá đất ở khu đất chợ cũ trung tâm xã Nong Lay	Xã Nong Lay	0,05	ONT	Lâu dài	Quyết định số 276/QĐ-UBND ngày 08/02/2021 của UBND tỉnh	Quý IV	23	
2	Dầu giá đất ở khu đất hạ tầng trung tâm xã Nong Lay	Xã Nong Lay	0,62	ONT	Lâu dài	Quyết định số 276/QĐ-UBND ngày 08/02/2021 của UBND tỉnh	Quý IV	23	
V	Huyện Sốp Cộp	7	4,30						
1	Dầu giá đất sắp xếp dân cư khu trung tâm hành chính huyện Sốp Cộp	Bản Sốp Cộp, Hòa Mương, Xã Sốp Cộp	0,80	ODT	Lâu dài	NQ số 132/NQ-HĐND ngày 17/7/2019, QH, KHSD đất năm 2021	Quý II, III	120,0	
2	Dầu giá đất bên phải đường nút (N12--N14) từ Cầu Năm Ca đến nghĩa trang Liệt sỹ huyện Sốp Cộp	Bản Sốp Năm, Xã Sốp Cộp	0,13	ODT	Lâu dài	QH, KHSD đất 2021	Quý II, III	25,0	
3	Dầu giá thuê quyền SD đất trồng cây lâu năm	Sốp Năm, Xã Sốp Cộp	1,61	CLN	50 năm	QH, KHSD đất 2021	Quý II, III	120,0	
4	Khu hạ tầng dân cư làm trường cũ (các khu đất ngoài các thửa đất dầu giá năm 2020)	Bản Sốp Năm, Xã Sốp Cộp	0,320	ODT	Lâu dài	QH, KHSD đất 2021	Quý II, III	50,0	
5	Dầu giá đất khu đất UBND xã Sốp Cộp cũ	Bản Hòa Mương, xã Sốp Cộp	0,024	ODT	Lâu dài	QH, KHSD đất 2021	Quý II, III	40,0	
6	Thửa đất số 6 khu vực D87-D86; D84-D84 và D87-D84-D55	Bản Sốp Cộp, xã Sốp Cộp	0,012	ODT	Lâu dài	QH, KHSD đất 2021	Quý II, III	10,0	
7	Khu Lò gạch Mương Và	Bản Mương, xã Mương Và	1,40	TMD	50 năm	QH, KHSD đất 2021	Quý II, III	150,0	
VI	Huyện Sông Mã	4	1,30						
1	Khu 6, khu 9 thị trấn Sông Mã	Xã Nà Nghịu	0,55	ONT	Lâu dài		Quý IV	48,0	

STT	Tên đơn vị quản lý và Mục đích cần định giá/ Cấp thẩm định	Vị trí, địa điểm (thôn, xóm, tổ - xã, thị trấn)	Diện tích cần định giá đất (ha)	Loại đất cần định giá	Thời hạn sử dụng của thửa đất cần định giá	Các thông tin chung (QH, KHSD đất; QHSD chỉ tiết; các VB pháp lý khác có liên quan)	Thời gian cần định giá	Dự kiến kinh phí định giá (triệu đồng)	Ghi chú
2	Đầu địa khu đất nhà khách huyện Sông Mã (cũ)	Tổ dân phố 5, thị trấn Sông Mã	0,506	ODT	Lâu dài	Đã có trong KHSD đất năm 2021 huyện Sông Mã	Quý III	17,5	
3	Nhà Văn hóa tổ dân phố 5, thị trấn Sông Mã (cũ)	Tổ dân phố 5, thị trấn Sông Mã	0,110	ODT	Lâu dài	Đã có trong KHSD đất năm 2021 huyện Sông Mã	Quý II	18,3	
4	Khu dân cư mới xã Yên Hưng (Đầu giá khu đất Trạm Y tế xã Yên Hưng cũ)	Bản Pải, xã Yên Hưng	0,135	ONT	Lâu dài		Quý III	20,8	
VII	Huyện Vân Hồ	20	12,47						
1	Lô số 24A theo quy hoạch chi tiết trung tâm hành chính, chính trị huyện Vân Hồ	xã Vân Hồ	0,344	ODT	Lâu dài	Kế hoạch 3801/KH-UBND ngày 24/12/2020 của UBND huyện Vân Hồ	2021	20	
2	Lô số 24B theo quy hoạch chi tiết trung tâm hành chính, chính trị huyện Vân Hồ	xã Vân Hồ	0,36	DV-TM	50 năm	Kế hoạch 3801/KH-UBND ngày 24/12/2020 của UBND huyện Vân Hồ	2021	20	
3	Khu đất giáp đường 31,5m đầu tuyến tiểu khu sao đỏ 1 (tỉnh lộ 101 đi xuống trung tâm hành chính, chính trị huyện (góc đa đi xuống))	xã Vân Hồ	0,32	DV-TM	50 năm	Kế hoạch 3801/KH-UBND ngày 24/12/2020 của UBND huyện Vân Hồ	2021	20	
4	Lô số 31 theo quy hoạch chi tiết trung tâm hành chính, chính trị huyện Vân Hồ	xã Vân Hồ	0,48	DV-TM	50 năm	Kế hoạch 3801/KH-UBND ngày 24/12/2020 của UBND huyện Vân Hồ	2021	20	
5	Lô số 19 theo quy hoạch chi tiết trung tâm hành chính, chính trị huyện Vân Hồ	xã Vân Hồ	0,1	DV-TM	50 năm	Kế hoạch 3801/KH-UBND ngày 24/12/2020 của UBND huyện Vân Hồ	2021	10	
6	Lô số 19 (giáp lô số 24A) theo quy hoạch chi tiết trung tâm hành chính, chính trị huyện Vân Hồ	xã Vân Hồ	0,36	ODT	50 năm	Kế hoạch 3801/KH-UBND ngày 24/12/2020 của UBND huyện Vân Hồ	2021	20	
7	Khu đất đồi hoa Ban theo chi tiết trung tâm hành chính, chính trị huyện Vân Hồ	xã Vân Hồ	0,348	DV-TM	50 năm	Kế hoạch 3801/KH-UBND ngày 24/12/2020 của UBND huyện Vân Hồ	2021	20	
8	Khu đất dân cư lô số 40 bến xe cũ (đã điều chỉnh quy hoạch) giáp lô số 31 (quy hoạch chợ)	xã Vân Hồ	0,52	ODT	50 năm	Kế hoạch 3801/KH-UBND ngày 24/12/2020 của UBND huyện Vân Hồ	2021	20	
9	Khu đất đối diện Ban QLDA Đầu tư và Xây dựng huyện	xã Vân Hồ	5,0	ONT	50 năm	Kế hoạch 3801/KH-UBND ngày 24/12/2020 của UBND huyện Vân Hồ	2021	150	
10	Trụ sở tam Huyện ủy, HĐND, UBND huyện Vân Hồ	xã Vân Hồ	2	ONT	50 năm	Kế hoạch 3801/KH-UBND ngày 24/12/2020 của UBND huyện Vân Hồ	2021	100	
11	Khu đất quy hoạch hạt kiểm lâm cũ (gần quán trường)	xã Vân Hồ	0,4	DV-TM	50 năm	Kế hoạch 3801/KH-UBND ngày 24/12/2020 của UBND huyện Vân Hồ	2021	20	
12	Đất cung giao thông bán Mến	xã Tô Múa	0,04	DV-TM	50 năm	Kế hoạch 3801/KH-UBND ngày 24/12/2020 của UBND huyện Vân Hồ	2021	10	

STT	Tên danh mục dự án/Đầu tư, dự án, cần định giá/ Cổ phần hóa	Vị trí, địa điểm (thôn, xóm, tổ - xã, thị trấn)	Diện tích cần định giá đất (ha)	Loại đất cần định giá	Thời hạn sử dụng của thửa đất cần định giá	Các thông tin chung (QH, KHSD đất; QHXD chi tiết; các VB pháp lý khác có liên quan)	Thời gian cần định giá	Dự kiến kinh phí định giá (triệu đồng)	Ghi chú
13	Khu dân cư dời địa điểm trường học Sao Đỏ	xã Vân Hồ	0,4	ONT	Lâu dài	Kế hoạch 3801/KH-UBND ngày 24/12/2020 của UBND huyện Vân Hồ	2021	20	
14	21 thửa đất thuộc lô số 24, khu trung tâm hành chính, chính trị huyện Vân Hồ	xã Vân Hồ	0,45	ONT	Lâu dài	Kế hoạch 3801/KH-UBND ngày 24/12/2020 của UBND huyện Vân Hồ	2021	20	
15	Lô 34 trung tâm hành chính huyện Vân Hồ	xã Vân Hồ	0,6	ONT	Lâu dài	Kế hoạch 3801/KH-UBND ngày 24/12/2020 của UBND huyện Vân Hồ	2021	20	
16	Khu đất nhà đội thuế Khu vực Mộc Châu - Vân Hồ	xã Tô Múa	0,03	ONT	Lâu dài	Kế hoạch 3801/KH-UBND ngày 24/12/2020 của UBND huyện Vân Hồ	2021	10	
17	Khu đất giáp lô 19 (gần Bưu điện)	xã Vân Hồ	0,05	ONT	Lâu dài	Kế hoạch 3801/KH-UBND ngày 24/12/2020 của UBND huyện Vân Hồ	2021	10	
18	13 thửa đất đơn lẻ trong khu dân cư thuộc trung tâm hành chính, chính trị huyện Vân Hồ	xã Vân Hồ	0,26	ONT	Lâu dài	Kế hoạch 3801/KH-UBND ngày 24/12/2020 của UBND huyện Vân Hồ	2021	20	
19	13 thửa đất tiếp giáp với đường 23,5m, thuộc khu giao đất cho cán bộ, công chức, viên chức và các hộ gia đình phải di chuyển chỗ ở để thực hiện các dự án, thuộc trung tâm hành chính huyện Vân Hồ	xã Vân Hồ	0,26	ONT	Lâu dài	Kế hoạch 3801/KH-UBND ngày 24/12/2020 của UBND huyện Vân Hồ	2021	20	
20	Khu đất bản Bồng Hà, xã Chiềng Yên (Đổi diện UBND xã)	xã Chiềng Yên	0,15	ONT	Lâu dài	Kế hoạch 3801/KH-UBND ngày 24/12/2020 của UBND huyện Vân Hồ	2021	10	
VIII	Huyện Mộc Châu	27	44,53						
1	Khu đô thị Tây Tiến, thị trấn Mộc Châu	Tiểu khu 12, 13, TT Mộc Châu	0,917	ODT	Lâu dài	Quyết định số 1949/QĐ-UB ngày 17/9/2018 của UBND huyện Mộc Châu	Quý I	9,0	
2	Khu đất Công ty CP Đầu tư xây dựng Mộc Châu trả lại tại tiểu khu 3/2, thị trấn NT Mộc Châu	Tiểu khu 32, thị trấn NT Mộc Châu	1,200	ODT, TMD	Lâu dài; 50 năm	Quyết định số 138/QĐ-UBND ngày 25/01/2021 của UBND tỉnh Sơn La	Quý I	12,0	
3	Khu đất Trung tâm hành chính mới (Khu trên Trường Mầm non Little Star đang xây dựng)	Tiểu khu 14, TT Mộc Châu							
-	Đất hỗn hợp HH 05 (QH Nhà máy may cũ)	Tiểu khu 14, TT Mộc Châu	2,035	SKC	50 năm	Quyết định số 2270/QĐ-UBND ngày 02/10/2019 của UBND huyện Mộc Châu	Quý I	20,0	
-	Đất sản xuất kinh doanh SKC	Tiểu khu 14, TT Mộc Châu	0,237	SKC	50 năm	Quyết định số 2270/QĐ-UBND ngày 02/10/2019 của UBND huyện Mộc Châu	Quý I	2,0	
-	Đất ở phân lô	Tiểu khu 14, TT Mộc Châu	1,594	ODT	Lâu dài	Quyết định số 2270/QĐ-UBND ngày 02/10/2019 của UBND huyện Mộc Châu	Quý I	15,0	



STT	Tên doanh nghiệp/Chủ tịch căn định giá/ Cấp hành hóa	Vị trí, địa điểm (thôn, xóm, tổ - xã, thị trấn)	Diện tích căn định giá đất (ha)	Loại đất căn định giá	Thời hạn sử dụng của thửa đất căn định giá	Các thông tin chung (QH, KHSD đất; QHXS chi tiết; các VB pháp lý khác có liên quan)	Thời gian căn định giá	Dự kiến kinh phí định giá (triệu đồng)	Ghi chú
4	Thửa đất thu hồi của ông Lê Đại Hưng tại TK 77	Tiểu khu 77, thị trấn NT Mộc Châu	0,005	ODT	Lâu dài	Quyết định số 138/QĐ-UBND ngày 25/01/2021 của UBND tỉnh Sơn La	Quý I	0,5	
5	Thửa đất thu hồi khu đất đồn Mộc Lỵ (thửa đôi dư)	Tiểu khu 12, TT Mộc Châu	0,003	ODT	Lâu dài	Quyết định số 138/QĐ-UBND ngày 25/01/2021 của UBND tỉnh Sơn La	Quý I	0,3	
6	Khu dân cư Bản Nà Bó, xã Mường Sang	Bản Nà Bó, xã Mường Sang	1,298	ONT	Lâu dài	Quyết định số 3222/QĐ-UBND ngày 21/12/2017 của UBND huyện Mộc Châu	Quý II	13,0	
7	Khu đất ao Bệnh viện đa khoa Tháo Nguyên, tiểu khu 40, thị trấn NT Mộc Châu	Tiểu khu 40, Thị trấn NT Mộc Châu	0,489	TMD	50 năm	Quyết định 1901/QĐ-UBND ngày 31/7/2020 của UBND huyện Mộc Châu	Quý II	5,0	
8	Khu đất HTX Hợp Nhất (cũ), tiểu khu 1, thị trấn Mộc Châu	Tiểu khu 1, TT Mộc Châu	2,700	TMD	50 năm	Quyết định 1299/QĐ-UBND ngày 17/6/2019 của UBND huyện Mộc Châu	Quý II	27,0	
9	Khu đất thu hồi của Công ty CP Hương Sen tại Tiểu khu 40, thị trấn Nông Trường Mộc Châu	Tiểu khu 40, Thị trấn NT Mộc Châu	0,005	ODT	Lâu dài	Quyết định 522/QĐ-UBND ngày 02/4/2018 của UBND huyện Mộc Châu	Quý II	0,5	
10	Khu dân cư Trung tâm hành chính tiểu khu 14, thị trấn Mộc Châu (Lô đất ODB)	Tiểu khu 14, thị trấn Mộc Châu	0,943	ODT	Lâu dài	Quyết định số 2270/QĐ-UBND ngày 02/10/2019 của UBND huyện Mộc Châu	Quý III	10,0	
11	Khu đất SKH 03, Trung tâm hành chính tiểu khu 14, thị trấn Mộc Châu	Tiểu khu 14, TT Mộc Châu	1,233	ODT	Lâu dài	Quyết định số 2270/QĐ-UBND ngày 02/10/2019 của UBND huyện Mộc Châu	Quý III	12,0	
12	Khu dân cư đường Nghị định 10 tại bản Áng, xã Đông Sang	Bản Áng, xã Đông Sang	0,861	ONT	Lâu dài	Quyết định số 2010/QĐ-UBND ngày 05/01/2019 của UBND huyện Mộc Châu	Quý III	9,0	
13	Khu đất ở 02 bên tuyến đường từ Quốc lộ 6- Quốc lộ 43 phía sau Khách sạn Mường Thanh. Tiểu khu Nhà Nghỉ, TTNT Mộc Châu	Tiểu khu 32, tiểu khu Nhà nghỉ thị trấn NT Mộc Châu	0,806	ODT	Lâu dài	Quyết định số 1633/QĐ-UBND ngày 08/8/2018 của UBND huyện Mộc Châu	Quý III	8,0	
14	Khu đất trạm y tế (cũ) xã Tân Lập	Bản Hoa, xã Tân Lập	0,055	ONT	Lâu dài	Quyết định số 138/QĐ-UBND ngày 25/01/2021 của UBND tỉnh Sơn La	Quý III	1,0	
15	Khu đất trạm thu mua sữa (cũ) xã Tân Lập	Bản Hoa, xã Tân Lập	0,062	ONT	Lâu dài	Quyết định số 138/QĐ-UBND ngày 25/01/2021 của UBND tỉnh Sơn La	Quý III	1,0	
16	Khu đất chợ Nà Mường (cũ), xã Nà Mường	Bản Đoàn kết, xã Nà Mường	0,023	ONT	Lâu dài	Quyết định số 138/QĐ-UBND ngày 25/01/2021 của UBND tỉnh Sơn La	Quý III	0,3	
17	Khu đất điều chỉnh quy hoạch bến xe (cũ) theo QH Nông thôn mới - xã Hua Păng	Bản Nà Sài, xã Hua Păng	0,035	ONT	Lâu dài	Quyết định số 138/QĐ-UBND ngày 25/01/2021 của UBND tỉnh Sơn La	Quý III	0,4	
18	Khu đất Công ty CP đầu tư xây dựng tại tiểu khu Bó Bun, TTNT Mộc Châu	Tiểu khu Bó Bun, thị trấn NT Mộc Châu	0,700	SKC	50 năm	Quyết định số 138/QĐ-UBND ngày 25/01/2021 của UBND tỉnh Sơn La	Quý IV	7,0	
19	Thửa đất Thương mại dịch vụ (Đổi diện DA Tòa nhà Đông Dương)	Tiểu khu 14, TT Mộc Châu	0,871	TMD	50 năm	Quyết định số 2270/QĐ-UBND ngày 02/10/2019 của UBND huyện Mộc Châu	Quý IV	9,0	

STT	Tên danh mục dự án/Mục đích cần định giá/	Vị trí, địa điểm (thôn, xóm, tổ - xã, thị trấn)	Diện tích cần định giá đất (ha)	Loại đất cần định giá	Thời hạn sử dụng của thửa đất cần định giá	Các thông tin chung (QH, KHSD đất, QHXD chi tiết; các VB pháp lý khác có liên quan)	Thời gian cần định giá	Dự kiến kinh phí định giá (triệu đồng)	Ghi chú
20	Thửa đất 1 hương mại, thửa số 8H/Bur điện, Viên thông cũ, Đất di sản Quàng Tưng	Tiểu khu 14, TT Mộc Châu	0,613	TMD	50 năm	Quyết định số 2270/QĐ-UBND ngày 02/10/2019 của UBND huyện Mộc Châu	Quý IV	6,0	
21	Khu đất dự kiến quy hoạch Bến xe tại Tiểu khu Vườn Đào, TTNT Mộc Châu	Tiểu khu Vườn Đào, thị trấn NT Mộc Châu	1,096	TMD	50 năm	Quyết định số 138/QĐ-UBND ngày 25/01/2021 của UBND tỉnh Sơn La	Quý IV	11,0	
22	Khu đất dự kiến quy hoạch chợ đầu mối tại tiểu khu Vườn Đào, TTNT Mộc Châu	Tiểu khu Vườn Đào, thị trấn NT Mộc Châu	1,198	TMD	50 năm	Quyết định số 138/QĐ-UBND ngày 25/01/2021 của UBND tỉnh Sơn La	Quý IV	12,0	
23	Khu đất dịch vụ hỗn hợp tại TK 14 (giáp cây xăng Thọ Nguyên)	Tiểu khu 14, TT Mộc Châu	1,442	TMD	50 năm	Quyết định số 2270/QĐ-UBND ngày 02/10/2019 của UBND huyện Mộc Châu	Quý IV	15,0	
24	Khu đất Cục quản lý đường bộ tại TK Nhà Nghỉ, TT Nông Trường Mộc Châu	Tiểu khu Nhà nghỉ, thị trấn NT Mộc Châu	0,032	ODT	Lâu dài	Quyết định số 138/QĐ-UBND ngày 25/01/2021 của UBND tỉnh Sơn La	Quý IV	0,4	
25	Khu dân cư tiểu khu 10, thị trấn Mộc Châu, huyện Mộc Châu	Tiểu khu 10, TT Mộc Châu	1,361	ODT	Lâu dài	Quyết định số 1904/QĐ-UBND ngày 31/7/2020 của UBND huyện Mộc Châu	Quý IV	14,0	
26	Khu đồ thị sinh thái kiểu mẫu 98 ha	Thị trấn NT Mộc Châu	22,684	ODT	Lâu dài	Quyết định số 2428/QĐ-UBND ngày 25/10/2019 của UBND huyện Mộc Châu	Quý IV	23,0	
27	Khu đất trường Mầm non Tây Tiến (cũ) tiểu khu 14, thị trấn Mộc Châu	Tiểu khu 14, TT Mộc Châu	0,030	ODT	Lâu dài	Quyết định số 889/QĐ-UBND ngày 18/4/2019 của UBND huyện Mộc Châu	Quý IV	0,3	
IX	Huyện Mai Sơn	7	0,75						
1	Khu đất quy hoạch đội thuế liên xã số 1	Khu đồ thị Ngã ba Cò Nòi	0,046	ONT	Đất ở: Lâu dài	Dự thảo KHSD đất 2021	Quý I, II	15	
2	Khu dân cư bản Mu Kít, xã Cò Nòi (5 thửa đất còn lại)	Bản Mu Kít, xã Cò Nòi	0,112	ONT	Đất ở: Lâu dài	Dự thảo KHSD đất 2021	Quý I, II	15	
3	Khu đất thương mại (gần công trường xã Cò Nòi)	Bản Cò Nòi, xã Cò Nòi	0,12	ONT	Đất ở: Lâu dài	Dự thảo KHSD đất 2021	Quý I, II	15	
4	thửa đất số II/8, khu quy hoạch dân cư tiểu khu 8, thị trấn Hát Lót	Tiểu khu 8, thị trấn Hát Lót	0,007	ODT	Đất ở: Lâu dài	Dự thảo KHSD đất 2021	Quý I, II	15	
5	Thửa đất số 4B, 5B khu quy hoạch dân cư tiểu khu 4, thị trấn Hát Lót	Tiểu khu 4, thị trấn Hát Lót	0,013	ODT	Đất ở: Lâu dài	Dự thảo KHSD đất 2021	Quý I, II	15	
6	Khu đất tiểu khu 10, thị trấn Hát Lót	Tiểu khu 10, thị trấn Hát Lót	0,05	ODT	Đất ở: Lâu dài	Dự thảo KHSD đất 2021	Quý I, II	15	
7	Khu đất bản Bôm cưa, xã Chiềng Mung	Bản Bôm cưa, xã Chiềng Mung	0,4	ONT	Đất ở: Lâu dài	Dự thảo KHSD đất 2021	Quý IV	15	
X	Huyện Bắc Yên	5	2,92						
1	Khu dân cư Na Mắc bản Chẹn	Bản Chẹn, xã Mường Khoa	0,3298	LUC	Lâu dài	Nghị quyết số 252/NQ-HĐND ngày 09/12/2020 của HĐND tỉnh Sơn La	Quý III, IV	10,0	
2	Khu dân cư bản Phúc	Bản Phúc, xã Mường Khoa	0,5798	LUC	Lâu dài	Nghị quyết số 252/NQ-HĐND ngày 09/12/2020 của HĐND tỉnh Sơn La	Quý III, IV	10,0	

STT	Tên đơn vị thực hiện dự án/Mục đích cần định giá/ Cấp thẩm định	Vị trí, địa điểm (thôn, xóm, tổ - xã, thị trấn)	Diện tích cần định giá đất (ha)	Loại đất cần định giá	Thời hạn sử dụng của thửa đất cần định giá	Các thông tin chung (QH, KHSD đất; QHXD chi tiết; các VB pháp lý khác có liên quan)	Thời gian cần định giá	Dự kiến kinh phí định giá (triệu đồng)	Ghi chú
3	Khu dân cư Nà Dong Sơn bản Khoa	Bản Khoa, xã Mường Khoa	0,2025	LUC	Lâu dài	Nghị quyết số 252/NQ-HĐND ngày 09/12/2020 của HĐND tỉnh Sơn La	Quý III, IV	10,0	
4	Khu dân cư Nà Nong Khong bản Pốt	Bản Pốt, xã Mường Khoa	0,1148	LUC	Lâu dài	Nghị quyết số 252/NQ-HĐND ngày 09/12/2020 của HĐND tỉnh Sơn La	Quý III, IV	10,0	
5	Khu dân cư Nà Vá, Nà Liếm bản Pe	Bản Pe, xã Song Pe	1,690	LUC	Lâu dài	Nghị quyết số 252/NQ-HĐND ngày 09/12/2020 của HĐND tỉnh Sơn La	Quý III, IV	30,0	
XI	Huyện Phù Yên	5	13,21						
1	Khu bản Lá xã Gia Phù	Xã Gia Phù	1,10	ONT	Lâu dài	Quyết định số 344/QĐ-UBND ngày 26/02/2020 của UBND tỉnh Sơn La	2021	15	
2	Đấu giá nhà khách UBND cũ	Thị trấn Phù Yên	0,07	ODT	Lâu dài	Quyết định số 2891/QĐ-UBND ngày 27/11/2019 của UBND tỉnh Sơn La về việc phê duyệt phương án sắp xếp lại, xử lý nhà đất: Bán tài sản trên đất, chuyển nhượng quyền sử dụng đất của một số cơ quan đơn vị trên địa bàn huyện Mộc Châu và Phù Yên năm 2019	2021	10	
3	Khu đô thị 2/9 mở rộng (các lô còn lại)	Xã Huy Bắc, xã Huy Hạ	0,57	ODT	Lâu dài	Quyết định số 344/QĐ-UBND ngày 26/02/2020 của UBND tỉnh Sơn La	2021	15	
4	Khu đô thị mới Phù Hoa	Xã Quang Huy	9,95	ODT	Lâu dài	Nghị quyết 158/NQ-HĐND ngày 05/12/2019 của HĐND tỉnh Sơn La về việc phê duyệt dự án đầu tư có sử dụng đất trên địa bàn tỉnh Sơn La	2021	30	
5	Đấu giá Khu đô thị Đống Đa	Xã Huy Hạ	1,52	ODT	Lâu dài	Quyết định số 247/QĐ-UBND ngày 04/2/2021 của UBND tỉnh Sơn La	2021	15	

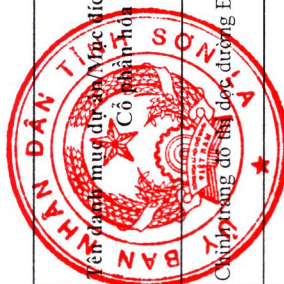
DANH MỤC CÁC DỰ ÁN XÁC ĐỊNH GIÁ ĐẤT CỤ THỂ ĐỂ BỎI THƯỜNG KHI NHÀ NƯỚC THU HỒI ĐẤT, GIẢI PHÓNG MẶT BẰNG

(Kèm theo Quyết định số 521/QĐ-UBND ngày 24/3/2021 của UBND tỉnh Sơn La)



STT	Tên danh mục dự án/Mục đích cần định giá/ <i>Cần phải hóa</i>	Vị trí, địa điểm (thôn, xóm, tổ - xã, thị trấn)	Diện tích cần định giá đất (ha)	Loại đất cần định giá	Thời hạn sử dụng của vừa đất cần định giá	Các thông tin chung (QH, KHSD đất; QHXD chi tiết; các VB pháp lý khác có liên quan)	Thời gian cần định giá	Dự kiến kinh phí định giá (trước đồng)	Ghi chú
	Tổng dự án	203	1.559,25						
1	Thành phố Sơn La	12	35,78						
1	Trụ sở Tòa án tỉnh	Chiềng Sinh	1,19	Đất ở, đất nông nghiệp	Lâu dài	- Nghị quyết số 212/NQ-HĐND ngày 31/7/2020 của Hội đồng nhân dân tỉnh Sơn La về việc thông qua danh mục bổ sung, điều chỉnh các dự án nhà nước thu hồi đất, chuyển mục đích sử dụng đất. - Công văn số 2319/UBND-KT ngày 23/7/2020 của UBND tỉnh về việc chấp thuận vị trí, địa điểm, quy mô diện tích để xây dựng Trụ sở Tòa án tỉnh.	Quý I/2021	20	
2	Khu dân cư ngã tư Quyết Thắng - Bàn Bùn	Chiềng Cơi, Quyết Tâm, Quyết Thắng	0,4	Đất ở, đất nông nghiệp	Lâu dài	- Quyết định số 589/QĐ-UBND ngày 08/3/2004 của UBND tỉnh Sơn La về việc thu hồi đất của các tổ chức, cá nhân giao cho Doanh nghiệp tư nhân xây dựng Trường Sơn để triển khai xây dựng khu đô thị mới tại ngã ba Quyết Thắng - thuộc phường Quyết Thắng và bàn Bùn - xã Chiềng Cơi - Thị xã Sơn La. - Quyết định số 1952/QĐ-UBND ngày 06/9/2013 của UBND tỉnh Sơn La về việc chuyển giao chủ đầu tư dự án xây dựng cơ sở hạ tầng khu dân cư Ngã tư Quyết Thắng, bàn Bùn, thành phố Sơn La.	Quý I/2021	50	
3	Kê suối Nậm La (<i>giai đoạn II</i>) đoạn từ Hồ tuổi trẻ đến cầu Tông Panh	Chiềng An, Chiềng Xôm	10,52	Đất ở, đất nông nghiệp	Lâu dài	- Quyết định số 1346/QĐ-UBND ngày 24/5/2017 của UBND tỉnh Sơn La về việc phê duyệt điều chỉnh dự án Kê suối Nậm La, thành phố Sơn La. - Quyết định số 2076/QĐ-UBND ngày 27/8/2019 của UBND tỉnh Sơn La về việc phê duyệt thiết kế bản vẽ thi công và dự toán xây dựng công trình Kê suối Nậm La (giai đoạn II) đoạn từ Hồ tuổi trẻ đến Cầu Tông Panh.	Quý I/2021	20	
4	Bệnh viện đa khoa 550 giường	Chiềng Sinh	0,35	Đất ở, đất nông nghiệp	Lâu dài	- Quyết định số 450/QĐ-TTg ngày 11/4/2017 của Thủ tướng Chính phủ về việc phê duyệt chủ trương đầu tư Dự án Bệnh viện Đa khoa Sơn La; - Quyết định số 1031/QĐ-UBND ngày 12/5/2017 của UBND thành phố Sơn La về việc phê duyệt dự án Bồi thường, hỗ trợ, tái định cư khi thu hồi đất khu vực quy hoạch chi tiết xây dựng tỷ lệ 1/500 bệnh viện đa khoa 550 giường tỉnh Sơn La.	Quý I/2021	20	

STT	Vị trí, địa điểm (thôn, xóm, tổ - xã, thị trấn)	Diện tích cần định giá đất (ha)	Loại đất cần định giá	Thời hạn sử dụng của thửa đất cần định giá	Các thông tin chung (QH, KHSD đất; QHXD chỉ tiết; các VB pháp lý khác có liên quan)	Thời gian cần định giá	Dự kiến kinh phí định giá (triệu đồng)	Ghi chú
5	Phường Tô Hiệu	1,89	Đất ở, đất nông nghiệp, đất kinh doanh dịch vụ	Lâu dài	Nghị quyết HĐND số 240/NQ-HĐND ngày 08/12/2020 của UBND tỉnh Sơn La	Quý I/2021	20	
6	Chiềng Cơi	0,3	Đất ở, đất nông nghiệp	Lâu dài	Quyết định số 194/QĐ-UBND ngày 31/01/2020	Quý I/2021	20	
7	Chiềng Cơi	1	Đất ở, đất nông nghiệp	Lâu dài	Nghị quyết số 72 và 73/NQ-HĐND ngày 08/12/2017	Quý I/2021	20	
8	Chiềng Cơi, Hua La	15,2	Đất ở, đất nông nghiệp	Lâu dài	Nghị quyết số 72 và 73/NQ-HĐND ngày 08/12/2017	Quý I/2021	20	
9	Chiềng Lè	0,0396	Đất kinh doanh dịch vụ	Lâu dài	Quyết định số 350/QĐ-UBND quy hoạch chi tiết tỷ lệ 1/500 của TP	Quý I/2021	20	
10	Quyết Thắng	4,47	Đất ở, đất nông nghiệp	Lâu dài	Quyết định số 194/QĐ-UBND ngày 31/01/2020	Quý II/2021	20	
11	Phường Tô Hiệu	0,11	Đất kinh doanh dịch vụ	Lâu dài	Nghị quyết số 131/NQ-HĐND ngày 17/7/2019	Quý I/2021	20	
12	xã Chiềng Ngần	0,31	Đất nông nghiệp	Lâu dài	Quyết định số 1452/QĐ-UBND ngày 18/6/2019	Quý I/2021	20	
II	Huyện Mường La	186,68						
1	TT Ít Ong	3,70	HNK	Lâu dài	Căn cứ dự thảo kế hoạch sử dụng đất năm 2021	Quý II năm 2021	2,83	
2	Xã Mường Trai	0,02	CLN	Lâu dài	Căn cứ dự thảo kế hoạch sử dụng đất năm 2021	Quý II năm 2021	0,06	
3	TT Ít Ong	2,00	NHK	Lâu dài	Căn cứ dự thảo kế hoạch sử dụng đất năm 2021	Quý II năm 2021	1,53	
4	Xã Mường Bú	3,20	HNK	Lâu dài	Căn cứ dự thảo kế hoạch sử dụng đất năm 2021	Quý IV năm 2021	1,96	
5	Xã Chiềng Hoa	2,91	HNK; CLN; ONT	Lâu dài	Căn cứ dự thảo kế hoạch sử dụng đất năm 2021	Quý III năm 2021	1,11	
6	Xã Chiềng Công	2,50	HNK	Lâu dài	Căn cứ dự thảo kế hoạch sử dụng đất năm 2021	Quý III năm 2021	0,95	





STT	Tên danh mục đầu tư/Mục đích sử dụng đất/ Mục đích của dự án/ Cơ quan thực hiện	Vị trí, địa điểm (thôn, xóm, tổ - xã, thị trấn)	Diện tích cần định giá đất (ha)	Loại đất cần định giá	Thời hạn sử dụng của thửa đất cần định giá	Các thông tin chung (QH, KHSD đất, QHXS chi tiết; các VB pháp lý khác có liên quan)	Thời gian cần định giá	Dự kiến kinh phí định giá (trệu đồng)	Ghi chú
7	Bổ trí ổn định dân cư vùng thiên tai ở vùng lũ quét bản Huổi Nà, xã Chiềng Sơ	Xã Chiềng Lao	0,10	HNK	Lâu dài	Căn cứ dự thảo kế hoạch sử dụng đất năm 2021	Quý III năm 2021	0,31	
8	Bổ trí ổn định dân cư vùng thiên tai ở vùng lũ quét bản Huổi Nà, xã Hua Trai, huyện Mường La	Xã Hua Trai	2,56	HNK	Lâu dài	Căn cứ dự thảo kế hoạch sử dụng đất năm 2021	Quý III năm 2021	0,98	
9	Bổ trí ổn định dân cư vùng thiên tai ở vùng lũ quét bản Lả Mường và bản Huổi Ban, xã Mường Trai	Xã Mường Trai	0,10	HNK	Lâu dài	Căn cứ dự thảo kế hoạch sử dụng đất năm 2021	Quý III năm 2021	0,31	
10	Bổ trí ổn định dân cư vùng thiên tai ở vùng lũ quét bản Lả, xã Năm Păm	Xã Năm Păm	0,10	HNK	Lâu dài	Căn cứ dự thảo kế hoạch sử dụng đất năm 2021	Quý III năm 2021	0,31	
11	Bổ trí ổn định dân cư vùng thiên tai ở vùng lũ quét bản Huổi Cò, xã Năm Păm	Xã Năm Păm	3,60	HNK	Lâu dài	Căn cứ dự thảo kế hoạch sử dụng đất năm 2021	Quý III năm 2021	1,37	
12	Bổ trí ổn định dân cư vùng thiên tai ở vùng lũ quét bản Nong xã Chiềng San	Xã Chiềng San	4,90	HNK	Lâu dài	Căn cứ dự thảo kế hoạch sử dụng đất năm 2021	Quý III năm 2021	1,87	
13	Kê chống sắt lư khu dân cư suối Mường Bú, xã Mường Bú, huyện Mường La	Xã Mường Bú	2,00	LUC; LUK	Lâu dài	Căn cứ dự thảo kế hoạch sử dụng đất năm 2021	Quý III năm 2021	0,76	
14	Đường dây 220KV Huổi Quảng - Nghĩa Lộ	Huyện Mường La	2,51	LUC; HNK; RSX	50 năm	Căn cứ dự thảo kế hoạch sử dụng đất năm 2021	Quý III năm 2021	2,56	
15	Cải tạo, nâng cấp đường nối Quốc lộ 37 (huyện Bắc Yên) với Quốc lộ 279D (huyện Mường La), tỉnh Sơn La đoạn Km49+522 - Km81+200	Xã Chiềng Hoa và xã Chiềng San	81,11	LUC; HNK; CLN; RSX; NTS; ONT	Lâu dài	Căn cứ dự thảo kế hoạch sử dụng đất năm 2021	Quý IV năm 2021	30,97	
16	Thủy điện Chiềng Muôn	Xã Chiềng Muôn	0,50	HNK	50 năm	Căn cứ dự thảo kế hoạch sử dụng đất năm 2021	Quý II năm 2021	0,19	
17	Thủy điện Năm Pàn 5	Xã Mường Bú	13,19	LUC; HNK	50 năm	Căn cứ dự thảo kế hoạch sử dụng đất năm 2021	Quý II năm 2021	5,76	
18	Xuất tuyến 110KV sau trạm biến áp 220KV Mường La	Xã Tạ Bú, xã Chiềng San, xã Mường Chùm, TT It Ong	2,27	LUC; HNK; CLN; NTS	50 năm	Căn cứ dự thảo kế hoạch sử dụng đất năm 2021	Quý II năm 2021	3,47	

STT	Tên hành vi và mục đích cần định giá/ Cấp độ phân loại	Vị trí, địa điểm (thôn, xóm, tổ - xã, thị trấn)	Diện tích cần định giá đất (ha)	Loại đất cần định giá	Thời hạn sử dụng của thửa đất cần định giá	Các thông tin chung (QH, KHSD đất; QHXD chi tiết; các VB pháp lý khác có liên quan)	Thời gian cần định giá	Dự kiến kinh phí định giá (triệu đồng)	Ghi chú
19	Tên hành vi và mục đích cần định giá/ Cấp độ phân loại điện, chế tạo vào lưới điện Quốc gia	TT Ít Ong, xã Pì Toong, xã Hua Trai	1,10	LUC; CLN; HNK	50 năm	Căn cứ dự thảo kế hoạch sử dụng đất năm 2021	Quý II năm 2021	3,36	
20	Hệ thống điện Chiềng Muôn, Ngọc Chiến, Chiềng Ân	Xã Chiềng Muôn	16,32	HNK; CLN	50 năm	Căn cứ dự thảo kế hoạch sử dụng đất năm 2021	Quý II năm 2021	3,32	
21	Đường giao thông bản Pá Xá Hồng	Xã Chiềng Ân	16,50	HNK	Lâu dài	Căn cứ dự thảo kế hoạch sử dụng đất năm 2021	Quý II năm 2021	6,30	
22	Trụ sở làm việc Đảng ủy, HĐND- UBND xã Pì Toong, huyện Mường La	Xã Pì Toong	2,50	HNK; CLN	Lâu dài	Căn cứ dự thảo kế hoạch sử dụng đất năm 2021	Quý II năm 2021	3,82	
23	Trụ sở làm việc Đảng ủy, HĐND- UBND xã Chiềng Ân, huyện Mường La	Xã Chiềng Ân	0,20	HNK	Lâu dài	Căn cứ dự thảo kế hoạch sử dụng đất năm 2021	Quý II năm 2021	0,61	
24	Đường Năm Păm-Ngọc Chiến (Giai đoạn II)	Xã Ngọc Chiến	10,95	LUC; HNK; CLN; ONT	Lâu dài	Căn cứ dự thảo kế hoạch sử dụng đất năm 2021	Quý II năm 2021	6,69	
25	Đường dây 220kV Sơn La - Điện Biên	Xã Pì Toong	0,75	LUC; LUK; NHK; RSX	50 năm	Căn cứ dự thảo kế hoạch sử dụng đất năm 2021	Quý II năm 2021	2,29	
26	Điểm TĐC xen ghép bản Pết	Xã Tạ Bú	0,85	NHK; CLN	Lâu dài	Căn cứ dự thảo kế hoạch sử dụng đất năm 2021	Quý II năm 2021	2,60	
27	Thủy lợi điểm TĐC xen ghép Nà Sàng	Xã Chiềng Hoa	0,06	LUC; NHK; CLN; NTS	Lâu dài	Căn cứ dự thảo kế hoạch sử dụng đất năm 2021	Quý II năm 2021	0,18	
28	Đường vào điểm TĐC xen ghép bản Tạ Bú	Xã Tạ Bú	0,59	CLN; NTS; ONT	Lâu dài	Căn cứ dự thảo kế hoạch sử dụng đất năm 2021	Quý II năm 2021	1,80	
29	Nước sinh hoạt điểm TĐC xen ghép bản Tạ Bú	Xã Tạ Bú	0,01	NHK	Lâu dài	Căn cứ dự thảo kế hoạch sử dụng đất năm 2021	Quý II năm 2021	0,03	
30	Đường nội bộ điểm TĐC xen ghép bản Búng	Xã Tạ Bú	0,21	NHK; CLN; ONT	Lâu dài	Căn cứ dự thảo kế hoạch sử dụng đất năm 2021	Quý II năm 2021	0,64	
31	Nước sinh hoạt điểm TĐC xen ghép bản Búng	Xã Tạ Bú	0,03	NHK	Lâu dài	Căn cứ dự thảo kế hoạch sử dụng đất năm 2021	Quý II năm 2021	0,09	
32	Nước sinh hoạt điểm TĐC xen ghép bản Pá Chiến	Xã Chiềng San	0,02	NHK	Lâu dài	Căn cứ dự thảo kế hoạch sử dụng đất năm 2021	Quý II năm 2021	0,06	
33	Nước sinh hoạt điểm TĐC xen ghép bản Nong Lung	Xã Chiềng Hoa	0,08	NHK	Lâu dài	Căn cứ dự thảo kế hoạch sử dụng đất năm 2021	Quý II năm 2021	0,24	

STT	Tên danh mục dự án/Đích đích cấp tỉnh/giá/ (thôn, xóm, tổ - xã, thị trấn)	Vị trí, địa điểm (thôn, xóm, tổ - xã, thị trấn)	Diện tích cần định giá đất (ha)	Loại đất cần định giá	Thời hạn sử dụng của thửa đất cần định giá	Các thông tin chung (QH, KHSD đất; QHXS chi tiết; các VB pháp lý khác có liên quan)	Thời gian cần định giá	Dự kiến kinh phí định giá (trệu đồng)	Ghi chú
34	Nước sinh hoạt dân sự (Cấp xã) cấp bản Nà Sàng	Xã Chiềng Hoa	0,07	LUC; NHK; CLN; ONT	Lâu dài	Căn cứ dự thảo kế hoạch sử dụng đất năm 2021	Quý II năm 2021	0,21	
35	Hệ thống điện dân sự (SDC) cấp bản Nà Sàng	Xã Chiềng Hoa	0,05	LUC; CLN	Lâu dài	Căn cứ dự thảo kế hoạch sử dụng đất năm 2021	Quý II năm 2021	0,15	
36	Cấp điện nông thôn từ điện lưới quốc gia	Xã Chiềng Hoa, xã Chiềng Công và xã Ngọc Chiến	0,04	NHK	Lâu dài	Căn cứ dự thảo kế hoạch sử dụng đất năm 2021	Quý II năm 2021	0,12	
37	Khu du lịch, nghỉ dưỡng Ít Ong	TT Ít Ong	9,00	LUC; NTS	50 năm	Căn cứ dự thảo kế hoạch sử dụng đất năm 2021	Quý II năm 2021	5,50	
38	Hầm dẫn nước hạ lưu sau nhà máy thủy điện Mĩ Hăng Tàu	Xã Hua Trai	0,08	NHK	50 năm	Căn cứ dự thảo kế hoạch sử dụng đất năm 2021	Quý II năm 2021	0,24	
III	Huyện Quỳnh Nhai	8	40,52						
1	Chinh trang khu dân cư Huổi Cuổi, xã Chiềng Bằng, huyện Quỳnh Nhai	Xã Chiềng Bằng	0,20	HNK, CLN, ONT	Lâu dài	Quyết định số 1198/QĐ-UBND ngày 17/5/2016 của UBND huyện Quỳnh Nhai	Quý III	15	
2	Sân nền và các hạng mục phụ trợ khu Chợ Huổi Cuổi, xã Chiềng Bằng, huyện Quỳnh Nhai	Xã Chiềng Bằng	1,60	HNK, CLN	Lâu dài	Quyết định số 2067a/QĐ-UBND ngày 13/10/2017, QĐ số 2186/QĐ-UBND ngày 31/10/2017 của UBND huyện Quỳnh Nhai	Quý III	15	
3	Xây dựng hạ tầng kỹ thuật Nghĩa trang nhân dân huyện Quỳnh Nhai	Xã Mường Giàng	2,00	LUA, HNK, NTS, DHT, CSD	Lâu dài	Nghị quyết số 110/NQ-HĐND ngày 07/12/2018 của HĐND tỉnh Sơn La	Quý I	15	Dự án đã phê duyệt giá đất cụ thể tại QĐ 2516/QĐ-UBND ngày 10/10/2019. Tuy nhiên đến nay chưa thực hiện bồi thường hiện bồi thường do đó định giá lại do đơn giá đã có sự thay đổi
4	Dự án khu văn hóa tâm linh huyện Quỳnh Nhai	Xã Mường Giàng	18,00	HNK	Lâu dài	Nghị quyết số 109/NQ-HĐND ngày 07/12/2018 của HĐND tỉnh Sơn La	Quý II	20	
5	Sân nền và xây dựng cơ sở hạ tầng khu X4, X5, X7 trung tâm huyện Quỳnh Nhai	Xã Mường Giàng	0,50	HNK	Lâu dài	Nghị quyết số 110/NQ-HĐND ngày 07/12/2018 của HĐND tỉnh Sơn La	Quý I	10	
6	Đường GTNT liên xã từ bản Nà Mùn, xã Chiềng Khay - bản Phất - bản Ít Pháy xã Cà Nàng, huyện Quỳnh Nhai	Xã Cà Nàng, Xã Chiềng Khay	14,00	LUA, HNK, CLN, RPH	Lâu dài	Nghị quyết số 197/NQ-HĐND ngày 30/6/2020 của HĐND tỉnh Sơn La	Quý II	20	
7	Bổ trí, sắp xếp dân cư vùng thiên tai bản Phất, xã Cà Nàng	Xã Cà Nàng	3,00	LUA, HNK, NTS	Lâu dài	Nghị quyết số 197/NQ-HĐND ngày 30/6/2020 của HĐND tỉnh Sơn La	Quý II	20	